

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST  
Ngày 17- 01 -2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Trứ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Bạ.

Ông Nguyễn Đức Nhuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Từ Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thiện Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Lưu Quốc T (tên gọi khác Lux, Bake), sinh năm 1992 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 769/24 đường C, Tổ 25, Khu 3, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Hớn Q và bà Lê Thị Hồng Y; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/11/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (Bản án số 185/2009/HSST), ngày 02/3/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và y án sơ thẩm, bị cáo được đặc xá ngày 31/8/2011; ngày 17/9/2012 bị Công an thị xã Thủ Dầu Một xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 27/6/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

- Bà Lê Thị Hồng B, sinh năm 1985, nơi cư trú: 66B đường A, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Đường 13, Tổ 28 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- Bà Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1979, nơi cư trú: 74/1 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Đường T 07, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

*Người làm chứng:* Bò Thị Thu T, Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Nguyễn Hiệp S. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 6/2016, Lê Thị Hồng B có nợ tiền hụi của Bò Thị Thu T số tiền 400.000.000 đồng, mỗi tháng Hồng B trả 20.000.000 đồng cho Thu T. Đến đầu tháng 10/2017, Hồng B còn nợ Thu T 180.000.000 đồng. Do có nhu cầu mượn thêm tiền để làm ăn nên Hồng B hỏi mượn thêm Thu T số tiền 50.000.000 đồng. Bản thân Thu T biết Hồng B mua nhà, đất của Phạm Thị Ngọc M (bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và Thu T cũng quen biết bà M. Thu T muốn lấy nhanh số tiền Hồng B còn nợ và muốn chuyển số nợ của Hồng B đối với Thu T qua thành số nợ đối với bà M. Nên Thu T giả vờ cho Hồng B mượn 200.000.000 đồng với điều kiện người đứng tên giấy mượn tiền là bà M, Hồng B ký tên với tư cách là người làm chứng và người đứng tên cho mượn tiền là người ngoài xã hội do Thu T thuê đóng vai người cho mượn (Nguyễn Trung K). Thu T dự định sẽ bàn trước với K hẹn Hồng B và M đến nhà Thu T rồi lấy lý do Thu T sắp đi nước ngoài nên giao việc cho mượn tiền cho Kiên để cho K dễ quản lý khi Thu T không có mặt ở Việt Nam. Sau khi viết xong giấy mượn tiền giữa K và bà M (thực chất là tiền của Thu T cho Hồng B mượn) thì Thu T và đồng bọn giật lại giấy nợ và lấy số tiền 200.000.000 đồng cất đi và như vậy về mặt giấy tờ thì bà M sẽ nợ tiền K 200.000.000 đồng nhưng thực chất là Hồng B nợ tiền bà M. Bò Thị Thu T thông qua một người tên Thảo (không rõ lai lịch, địa chỉ) gặp và quen với Nguyễn Trung K. Thảo bàn với K đe dọa, ép buộc Lê Thị Hồng B và Phạm Thị Ngọc M với cách thức như đã nêu trên và hứa sau khi lấy được tiền thì Thu T sẽ cho K tiền nhưng không nói số tiền cụ thể.

Thực hiện ý định trên, Thu T giả vờ cho Lê Thị Hồng B mượn số tiền 200.000.000 đồng với điều kiện người đứng tên giấy mượn tiền là bà M, Hồng B ký tên với tư cách là người làm chứng. Nghe Thu T nói vậy thì Hồng B nói với bà M nhờ M đứng tên giấy mượn tiền thì M đồng ý. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/10/2017 Thu T kêu Hồng B và M đến nhà Thu T làm thủ tục mượn tiền, đồng thời Thu T gọi điện cho K đến nhà Thu T trước để bàn bạc, tổ chức sắp xếp, dàn cảnh cho M ký giấy mượn tiền. K rủ thêm Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T cùng đến nhà Thu T tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An thì tất cả đều đồng ý. Sau khi K, V, T, Đ đến nhà Thu T thì Thu T bàn bạc cụ thể với K, V, Đ, T giả vờ cho Hồng B mượn số tiền 200.000.000 đồng. Thu T đưa số tiền 200.000.000 đồng cho K để K đứng ra với tư cách là người cho mượn tiền, K viết giấy mượn tiền và yêu cầu M ký tên, lăn tay vào mục người mượn tiền, Hồng B ký tên và lăn tay vào mục người làm chứng. Sau khi K viết giấy mượn tiền và cho Hồng B, M ký lăn tay thì K giữ giấy mượn tiền này, đồng thời Thu T dùng tay gạt số tiền 200.000.000 đồng để sẵn trên bàn để V cất số tiền này vào túi xách của V mang sẵn trên người để không cho Hồng B và M lấy tiền và đuổi Hồng B, M ra khỏi nhà Thu T. Thu T nói để tránh Hồng B và M thấy đông người nghi ngờ nên kêu hai người vào núp chờ sẵn trong phòng ngủ của Thu T kế bên phòng khách và sẽ gọi ra hỗ trợ đuổi M và Hồng B về. Sau khi sắp xếp

xong thì Thu T vào phòng ngủ lấy số tiền 200.000.000 đồng gồm 4 cọc, loại mệnh giá 500.000 đồng để trên bàn nơi K, V, Thu T đang ngồi. Thu T đưa giấy (loại giấy tập học sinh) và cây viết cho K để K viết giấy mượn tiền như đã bàn bạc. Đồng thời Thu T gọi điện cho Hồng B và M đến nhà Thu T mượn tiền. Khi Hồng B và M đến nhà Thu T thì K viết giấy mượn tiền mặt với số tiền 200.000.000 đồng, trong thời hạn 30 ngày thì trả hết số tiền này. Sau khi viết xong thì K ký vào mục “người cho mượn tiền”, K đưa cho M viết tên, ký và lấn tay vào mục “người mượn tiền”, Hồng B viết tên, ký và lấn tay mục “người làm chứng”. Sau khi K cho M và Hồng B ký tên, lấn tay vào giấy mượn tiền thì K giật tờ giấy này. Đồng thời Thu T dùng tay gạt số tiền trên bàn sang chỗ V đang ngồi, V lấy số tiền bỏ vào túi (sau khi đuổi M và Hồng B về thì V đã đưa lại số tiền này cho Thu T). Thấy vậy, M và Hồng B lời qua tiếng lại với Thu T và K vì đã ký giấy mượn tiền mà không được nhận tiền theo giấy đã ký, Thu T nói số tiền 200.000.000 đồng này Thu T lấy mà không đưa cho M và Hồng B, đồng thời yêu cầu M và Hồng B nhanh chóng trả cho K số tiền 200.000.000 đồng. Khi M lấy điện thoại ra gọi báo cho Công an và người thân đến giúp thì Thu T giật lấy điện thoại của M đưa cho K giữ (sau khi M bị đuổi ra về thì K đã trả cho M). Ngay lúc này, V đến phòng ngủ của Thu T gọi Đ và T ra hỗ trợ đuổi M và Hồng B ra khỏi nhà Thu T. Đ nắm tay Hồng B, T nắm tay M kéo, xô đẩy Hồng B và M ra khỏi nhà Thu T. V lớn tiếng yêu cầu M và Hồng B ra khỏi nhà Thu T. K lên tiếng hăm dọa yêu cầu M, Hồng B trong thời hạn 10 ngày phải trả đủ số tiền ghi trong giấy nợ 200.000.000 đồng. Sau đó vào ngày 12/10/2017, Thu T dẫn đường chỉ nhà M và Hồng B cho K biết địa chỉ để nhằm đòi nợ cho Thu T. K chạy xe mô tô biển số 51T1-16789 của K chở V đi theo Thu T đến nhà M và Hồng B, Thu T nói với K phải làm căng mới đòi được tiền.

Để tạo áp lực cho M và Hồng B, K đã sử dụng số điện thoại 01634836661 và số 0966161861 nhiều lần nhắn tin gửi M và Hồng B đe dọa, điển hình như tin nhắn ngày 13/10/2017, K nhắn gửi M với nội dung “Tôi cho 2 bà thời hạn 10 ngày kể từ ngày hôm nay để trả số tiền nợ tôi. Sau 10 ngày tôi không nhận được tiền thì đừng trách tôi ác”; tin nhắn K gửi cho Hồng B với nội dung dùng xăng đốt nhà, bắt cóc hai mẹ con bà Hồng B, giết con bà Hồng B, giết bà Hồng B. Ngày 13/10/2017, K và V dùng sơn màu đỏ pha với xăng tạt vào nhà Hồng B tại địa chỉ 74/1 khu phố B, phường B, thị xã T. Sau đó K cùng với V, Đ, T nhiều lần đến nhà Hồng B, nhà M đi qua, đi lại để gây áp lực đòi tiền như nêu trên. Ngày 16/10/2017, K cùng với Đ, V và tên Nam (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) đi đến nhà Hồng B và M nhưng thấy khóa cửa nên dùng keo 502 đổ vào ổ khóa để cho không mở được ổ khóa. Ngày 30/10/2017, K đến nhà bà M đưa cho bà M bản phô tô giấy mượn tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu bà M trả số tiền này.

Trong quá trình Bò Thị Thu T và Lê Thị Hồng B nói chuyện qua lại về việc đòi tiền nợ, Hồng B đã được ghi âm và thể hiện trong Biên bản trích xuất nội dung ghi âm số 92A/BB-PC54 và 92B/BB-PC54 cùng ngày 05/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Do bị đe dọa, gây áp lực nên Lê Thị Hồng B và Phạm Thị Ngọc M gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tố giác hành vi của Bò Thị Thu T và đồng phạm.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam Nguyễn Trung K, Bò Thị Thu T và Nguyễn Quang V về tội Cường đoạt tài sản và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 11/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an thị xã Thuận An khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Ngô Minh Đ và Lưu Quốc T.

Bản án số 148/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An đã xét xử Nguyễn Trung K, Bò Thị Thu T, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ. Riêng Lưu Quốc T bỏ trốn, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An ra quyết định truy nã. Ngày 27/6/2019 thì Lưu Quốc T đến Công an phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đầu thú và bị tạm giam cho đến nay.

Cáo trạng số 24/CT-VKS-TA ngày 03/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lưu Quốc T về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nay là điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định:

Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó: Đối với Bò Thị Thu T, Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V và Ngô Minh Đ đã được đưa ra xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo T thực hiện hành vi với vai trò là người giúp sức; về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án có thẩm quyền xét xử về tội Cố ý gây thương tích, bị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội là người giúp sức vai trò không đáng kể, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng Xử phạt bị cáo T mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Công an tỉnh Bình Dương, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Cơ quan Điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lưu Quốc T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cùng với các đối tượng Bò Thị Thu T, Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V và Ngô Minh Đ thực hiện hành vi tạo áp lực, đe dọa về tinh thần để chiếm đoạt 200.000.000 đồng của bị hại, lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của K, Đ, V, phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp lời khai bị hại M, bị hại Hồng B, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và vật chứng thu giữ.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Để chiếm đoạt tài sản của Lê Thị Hồng B và Phạm Thị Ngọc M, vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/10/2017 tại nhà của Bò Thị Thu T tại khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Bò Thị Thu T đã bàn bạc với Nguyễn Trung K, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, Lưu Quốc T, tổ chức sắp xếp, dàn cảnh giả vờ cho Hồng B mượn số tiền 200.000.000 đồng. Thu T đưa số tiền 200.000.000 đồng cho K để K đứng ra với tư cách là người cho mượn tiền, K viết giấy mượn tiền và yêu cầu M ký tên, lăn tay vào mục người mượn tiền, Hồng B ký tên và lăn tay vào mục người làm chứng. Sau khi K viết giấy mượn tiền và cho Hồng B, M ký và lăn tay thì K giữ giấy mượn tiền này, đồng thời Thu T dùng tay gạt số tiền 200.000.000 đồng để V cất giữ không để cho M và Hồng B lấy số tiền này, sau đó Đ và T dùng vũ lực đuổi M và Hồng B ra khỏi nhà Thu T. Sau khi viết xong giấy nợ, Thu T chỉ cho K nhà của bị hại Lê Thị Hồng B, Phạm Thị Ngọc M. Sau đó K liên tục dùng điện thoại nhắn tin đe dọa và cùng V dùng các thủ đoạn khác như tạt sơn đỏ pha xăng vào nhà bị hại, dùng keo 502 đổ vào ổ khóa nhằm buộc bị hại Hồng B và M phải đưa số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Hành vi của Lưu Quốc T và đồng phạm đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nay là điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố bị cáo T về tội Cường đoạt tài sản là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo T đã thực hiện nên chấp nhận.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp về tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi đe dọa, uy hiếp về mặt tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tuy nhiên, việc phạm tội của bị cáo T cùng đồng phạm xuất phát từ việc muốn đòi lại nhanh chóng số tiền mà bị hại Hồng B nợ Bò Thị Thu T nên cũng cần xem xét nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án có thẩm quyền xét xử về tội Cố ý gây thương tích, bị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức, vai trò không đáng kể; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo ra đầu thú nên khi quyết định hình phạt cần cân nhắc để có mức hình phạt tương xứng, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội là người giúp sức vai trò không đáng kể, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo Lưu Quốc T thực hiện hành vi phạm tội là người giúp sức, vai trò không đáng kể, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Trung K, Bồ Thị Thu T, Nguyễn Quang V, Ngô Minh Đ, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được xem xét, giải quyết tại Bản án số 148/2019/HS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An.

Đối với đối tượng tên Nam do chưa xác định được tên thật, địa chỉ nên xem xét ở vụ án khác khi có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Vụ án xảy ra năm 2017 nay mới được đưa ra xét xử, nên áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 170; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lưu Quốc T phạm tội Cường đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Lưu Quốc T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Lưu Quốc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao học niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- CQĐT Công an thị xã Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Thuận An;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Sỹ Trú**